

Số: 394/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành chương trình đào tạo
Hệ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-BKH ngày 12/5/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-BGDĐT ngày 22/02/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Học viện Chính sách và Phát triển đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng KH-ĐT và Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo áp dụng cho hệ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế của Học viện Chính sách và Phát triển” (Có chương trình kèm theo).

Điều 2. Trong quá trình thực hiện chương trình, nếu phát sinh những vấn đề điều chỉnh, Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo đề nghị Giám đốc Học viện xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Khoa Kinh tế đối ngoại, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên học thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế tại Học viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Đào Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH
KINH TẾ QUỐC TẾ THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU/ỨNG DỤNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 394.../QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 8 năm 2016
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

Tên chương trình : KINH TẾ QUỐC TẾ
Trình độ đào tạo : THẠC SĨ
Ngành đào tạo : KINH TẾ QUỐC TẾ
Mã số : 60310106

1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế quốc tế trình độ thạc sĩ được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lý cơ bản sau:

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 18/6/2012;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

- Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Chính sách và Phát triển;

- Quyết định số 584/QĐ-BKHĐT ngày 12/05/2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

- Quyết định số 4814/QĐ-BGDĐT ngày 30/07/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Học viện Chính sách và Phát triển đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành: Kinh tế, Chính sách công và Tài chính – Ngân hàng;

- Thông tư Thông tư số 04 /2012/TT-BGDĐT ngày 15/2 /2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, hồ sơ quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

- Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT/QDD-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

- Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế Quốc tế kết hợp nền tảng kiến thức kinh tế quốc tế nói chung và đặc thù đào tạo tập trung vào lĩnh vực kinh tế quản lý khu vực công của Học viện nói riêng, nhằm cung cấp cho học viên một cái nhìn sâu rộng về chính sách kinh tế đối ngoại. Chương trình tập trung vào kiến thức lý thuyết và thực nghiệm liên quan đến thương mại quốc tế, quản lý đầu tư quốc tế (FDI và FII), quản lý nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA), tài chính quốc tế... với mục tiêu xây dựng cho học viên cách tiếp cận và tư duy dưới góc độ toàn cầu hóa về thị trường, chính sách và các lực lượng khác trong nền kinh tế thế giới. Đặc biệt, chương trình giúp học viên tìm hiểu các chiến lược đón đầu xu hướng hội nhập, cũng như cách thức ứng phó với những thay đổi liên tục của nền kinh tế thế giới, từ đó xây dựng chính sách kinh tế đối ngoại phù hợp cho Việt Nam nhằm chủ động hơn trong quá trình tham gia sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

Chương trình tập trung đào tạo Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu, hoạch định và thực thi chính sách vĩ mô. Các học phần bắt buộc, theo đó, đều hướng tới mục tiêu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực chính sách vĩ mô quốc tế, bao gồm: chính sách thương mại quốc tế, chính sách thu hút và quản lý đầu tư nước ngoài (FDI và FII), quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA), chính sách điều phối thị trường tài chính quốc gia trong môi trường toàn cầu hóa nhằm ứng biến với những thay đổi bất ngờ từ nền kinh tế thế giới.

Học viên có thể lựa chọn một trong hai chương trình cụ thể sau:

a. Đối với Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu

Đối với học viên có mong muốn theo đuổi công việc nghiên cứu, Chương trình bồi dưỡng khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy lý luận, kiến thức về các công cụ phân tích định lượng, đánh giá chính sách cùng các kỹ năng cần thiết khác cho học viên thông qua những học phần như Phương pháp nghiên cứu khoa học, Kinh tế lượng trong phân tích và dự báo kinh tế xã hội và trong các môn học chuyên ngành... Bên cạnh đó chương trình cũng cung cấp các nội dung mang tính lý thuyết chuyên sâu về chính sách vĩ mô, đặc biệt là chính sách đầu tư và chính sách tài chính trong môi trường kinh tế quốc tế thông qua các học phần chuyên ngành bắt buộc. Như vậy, sau khóa học, học viên có thể vận dụng các kỹ năng và kiến thức thu nhận được để hình thành các ý tưởng nghiên cứu độc lập, phát triển

các quan điểm, luận thuyết khoa học, cũng như tự tìm tòi và khám phá các lĩnh vực mới thuộc ngành Kinh tế quốc tế.

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Quốc tế theo định hướng nghiên cứu và hoạch định chính sách kinh tế quốc tế được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn giáo dục của Việt Nam và quốc tế về nội dung và kết cấu. Sau khi tốt nghiệp, học viên đáp ứng các điều kiện cơ bản để tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu ở bậc tiến sĩ ở Việt Nam và nước ngoài.

b. Đối với chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

Chương trình Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế theo định hướng ứng dụng tập trung đào tạo nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực quản lý và thực thi chính sách kinh tế quốc tế. Học viên được cung cấp kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý, điều phối và giám sát việc ban hành, áp dụng và thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là chính sách thu hút, phân bổ, và quản lý FDI, FII và ODA thông qua các tình huống thực tiễn. Chương trình thiết kế các chuyên đề thực tế tạo cơ hội cho học viên tiếp xúc với các chuyên gia làm việc trong lĩnh vực hoạch định, quản lý và thực thi chính sách từ các Bộ, Ban, Ngành của nhà nước nhằm tăng cường hiểu biết cũng như các vấn đề, trở ngại, thách thức trong thực tế cho học viên.

Học viên tốt nghiệp chương trình Kinh tế Quốc tế theo hướng ứng dụng có thể làm việc trong ngành KH&ĐT, các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương khác có liên quan, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức kinh tế.

Bên cạnh kiến thức chuyên môn, học viên ở cả hai chương trình nghiên cứu và ứng dụng được bồi dưỡng toàn diện các kỹ năng nhằm nâng cao khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, phản biện chính sách, khả năng sử dụng thành thạo các công cụ phân tích, dự báo và đánh giá chính sách kinh tế quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ Kinh tế Quốc tế sẽ đạt được những yêu cầu năng lực như sau:

- Về phẩm chất chính trị:

+ Có phẩm chất chính trị vững vàng, nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

+ Có phương pháp luận, tư duy khoa học và sáng tạo.

- Về kiến thức: ✓

Đối với chương trình thạc sỹ Kinh tế Quốc tế theo định hướng nghiên cứu	Đối với chương trình thạc sỹ Kinh tế Quốc tế theo định hướng ứng dụng
- Chương trình cung cấp lý thuyết chuyên sâu về quan hệ kinh tế quốc tế và chính sách vĩ mô quốc tế, đặc biệt là chính sách đầu tư quốc tế và chính sách tài chính quốc gia trong môi trường toàn cầu; - Học viên được bồi dưỡng kiến thức về hoạch định chính sách, bao gồm: chính sách thu hút và sử dụng vốn FDI ở cấp quốc gia và địa phương, chính sách quản lý ODA, chính sách xuất nhập khẩu, chính sách tài chính...; - Học viên có kiến thức về phương pháp phân tích và đánh giá định lượng hiệu quả của các chính sách đến sự phát triển kinh tế Việt Nam trong môi trường hội nhập và toàn cầu hóa. - Có khả năng dự đoán tác động của kinh tế thế giới đến thương mại, đầu tư và ổn định tài chính vĩ mô ở Việt Nam để xây dựng các kịch bản ứng phó với các thay đổi bất thường trên thị trường quốc tế như khủng hoảng tài chính, khủng hoảng nợ công... - Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể phát triển những định hướng nghiên cứu khoa học mới để tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu ở trình độ tiến sỹ, hoặc phụ trách giảng dạy tại các trường đại học đào tạo chuyên ngành Kinh tế Quốc tế.	- Học viên có kiến thức chuyên môn về quản lý và thực thi pháp luật và chính sách trong thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế (quản lý ODA và FDI), thẩm định dự án đầu tư quốc tế, quản trị rủi ro tài chính trong môi trường toàn cầu; - Thông qua các buổi thảo luận và tọa đàm với các chuyên gia đến từ các Cục, Vụ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan khác, học viên sẽ nắm được các kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, ứng dụng vào đàm phán các hiệp định thương mại, đầu tư, hợp tác kinh tế song phương lẫn đa phương (như TPP, AEC, EVFTA...). nhằm tăng sự chủ động của Việt Nam khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; - Chương trình bồi dưỡng cho học viên khả năng dự đoán tác động của kinh tế thế giới đến thương mại, đầu tư và ổn định tài chính vĩ mô ở Việt Nam thông qua phân tích định tính và đánh giá dữ liệu công việc hằng ngày; - Sau khi tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành KTQT theo hướng ứng dụng, học viên có thể làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương. Học viên cũng có thể học bổ sung kiến thức một số môn liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học và có thể học lên trình độ tiến sỹ tại các trường đại học trong và ngoài nước.

- Về kỹ năng:

Đối với chương trình thạc sỹ Kinh tế Quốc tế theo định hướng nghiên cứu	Đối với chương trình thạc sỹ Kinh tế Quốc tế theo định hướng ứng dụng
+ Có kỹ năng phân tích, đánh giá và phản biện chính sách kinh tế quốc tế và kinh tế vĩ mô. + Có kỹ năng sử dụng các công cụ phân tích định lượng, các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên sâu; + Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình để trình bày các ý tưởng nghiên cứu mới; + Có kỹ năng nghiên cứu độc lập và khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế quốc tế ở tầm vĩ mô để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, cũng như tìm hiểu các khía cạnh chuyên sâu trong kinh tế quốc tế; + Có kỹ năng ngoại ngữ tốt: (1) có thể hiểu được các tài liệu, văn bản, phát biểu tại các hội thảo, hội nghị chuyên ngành; (2) có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; (3) có thể viết báo cáo bằng ngoại ngữ về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế; (4) có thể trình bày rõ ràng các ý kiến phản biện, ý tưởng nghiên cứu hoặc các vấn đề kỹ thuật.	+ Có khả năng điều phối, quản lý và thực thi chính sách kinh tế quốc tế; + Có khả năng vận dụng các kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam trong thực thi chính sách để giải quyết các tình huống công việc cụ thể liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế; + Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hằng ngày; + Có kỹ năng tư duy độc lập và khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá một cách toàn diện các vấn đề trong quản lý và thực thi chính sách kinh tế quốc tế ở tầm vĩ mô để thu thập và cung cấp những phản hồi hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách; + Có kỹ năng ngoại ngữ tốt: (1) có thể hiểu được báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các vấn đề chuyên môn; (2) có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống nghiệp vụ thông thường; (3) có thể viết báo cáo công việc bằng ngoại ngữ; (4) có thể giao tiếp với các chuyên gia, các doanh nhân, tổ chức nước ngoài để giải quyết công việc chuyên môn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với cả hai chương trình:

+ Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành Kinh tế Quốc tế và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và lãnh đạo;

+ Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế.

+ Có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề lớn; đưa ra được những kết luận ở cấp độ chuyên gia về các vấn đề phức tạp liên quan đến nghiệp vụ; có khả năng bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo

3.1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu

3.1.1. Khái quát chương trình

a. Tổng số các học phần và tín chỉ:

- Toàn bộ chương trình: **60 tín chỉ**
- Tổng số học phần: **19 học phần**

b. Nhóm các học phần

b.1. Phần 1: Khối các kiến thức chung: 02 học phần

Tổng số: 07 tín chỉ

- Triết học: 04 tín chỉ
- Ngoại ngữ: 03 tín chỉ

b.2. Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 17 học phần

- Nhóm các học phần bắt buộc:
 - + Số học phần: 07 học phần
 - + Số tín chỉ: 23 tín chỉ
- Nhóm các học phần tự chọn:
 - + Số học phần: 06 học phần
 - + Số tín chỉ: 18 tín chỉ (chiếm 30% toàn bộ chương trình)

b.3. Phần 3: Luận văn thạc sĩ

Luận văn Thạc sĩ: 12 Tín chỉ (chiếm 20 % toàn bộ chương trình)

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
I.			PHÂN KIẾN THỨC CHUNG	7	5	2
1	QTTH	601	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	3	1
2	QTTA	602	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao (<i>Advanced English for International Economics</i>)	3	2	1
III			PHÂN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	41	28	13
II.1			Các học phần cơ sở ngành	23	16	7
II.1.a			Các học phần bắt buộc	14	10	4
1	QTKT	603	Kinh tế học nâng cao (<i>Advanced Economics</i>)	4	3	1
2	QTQH	604	Quan hệ kinh tế quốc tế (<i>International Economic Relations</i>)	3	2	1
3	QTĐT	605	Đầu tư quốc tế: nguyên lý và ứng dụng chính sách (<i>International Investment: Principles and Policy Application</i>)	4	3	1
4	QTKH	606	Phương pháp nghiên cứu	3	2	1

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
			khoa học (<i>Research Methodology</i>)			
II.1b			Các học phần tự chọn (chọn 3 trong số 4 học phần)	9	6	3
1	QTKL	607	Kinh tế lượng trong phân tích và dự báo Kinh tế - Xã hội (<i>Applied Econometrics</i>)	3	2	1
2	QTPL	608	Pháp luật kinh tế quốc tế nâng cao (<i>Advanced International Economic Law</i>)	3	2	1
3	QTPC	609	Phân tích và đánh giá chính sách (<i>Policy Evaluation and Analysis</i>)	3	2	1
4	QTLĐ	610	Tư chất lãnh đạo và nguyên tắc xử thế (<i>Leadership and Ethics</i>)	3	2	1
II.2			Học phần chuyên ngành	18	12	6
II.2.a			Học phần bắt buộc	9	6	3
1	QTCT	611	Chính sách thương mại quốc tế (<i>International Trade</i>)	4	3	1

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
			<i>Policy)</i>			
2	QTNH	616	Ngân hàng Trung ương và thị trường tài chính quốc tế <i>(Central Banking and International Financial System)</i>	3	2	1
3	QTTC	614	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế <i>(Globalization and Economic Development)</i>	2	1	1
II.2.b			Học phần tự chọn (chọn 3 trong số 5 học phần)	9	6	3
1	QTRT	612	Quản trị rủi ro tài chính quốc gia <i>(Sovereign Financial Risk Management)</i>	3	2	1
2	QTĐC	613	Định chế kinh tế quốc tế <i>(International Economic Institutions)</i>	3	2	1
3	QTTM	615	Thương mại hàng hóa và dịch vụ quốc tế <i>(International Trade in Goods and Services)</i>	3	2	1
4	QTQT	617	Quản trị dự án đầu tư quốc tế	3	2	1

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
			<i>(International Investment Management)</i>			
5	QTTĐ	618	Thẩm định dự án đầu tư công <i>(Public Investment Evaluation)</i>	3	2	1
6	QTKD	620	Kinh doanh quốc tế <i>(International Business)</i>	3	2	1
III			Luận văn Thạc sĩ <i>(Master Thesis)</i>	12	0	12
			TỔNG CỘNG	60	33	27

*** Ghi chú:** Theo Quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ quy định:

“Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 tiết tự học..”.

3.2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

3.1.1. Khái quát chương trình

a. Tổng số các học phần và tín chỉ:

- Toàn bộ chương trình: **60 tín chỉ**
- Tổng số học phần: **19 học phần**

b. Nhóm các học phần

b.1. Phần 1: Khối các kiến thức chung: 02 học phần

Tổng số: 07 tín chỉ

- Triết học: 04 tín chỉ
- Ngoại ngữ: 03 tín chỉ

b.2. Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 17 học phần

- Nhóm các học phần bắt buộc:
 - + Số học phần: 07 học phần
 - + Số tín chỉ: 23 tín chỉ
- Nhóm các học phần tự chọn:
 - + Số học phần: 06 học phần
 - + Số tín chỉ: 18 tín chỉ (chiếm 30% toàn bộ chương trình)

b.3. Phần 3: Luận văn thạc sĩ

Luận văn Thạc sĩ: 12 Tín chỉ (chiếm 20 % toàn bộ chương trình)

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
I.			PHẦN KIẾN THỨC CHUNG	7	5	2
1	QTTH	601	Triết học (Philosophy)	4	3	1
2	QTTA	602	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao (Advanced English for International Economics)	3	2	1
II			PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	41	28	13
II.1			Các học phần cơ sở ngành	20	14	6

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
II.1. a			Các học phần bắt buộc	11	8	3
1	QTKT	603	Kinh tế học nâng cao (<i>Advanced Economics</i>)	4	3	1
2	QTQH	604	Quan hệ kinh tế quốc tế (<i>International Economic Relations</i>)	3	2	1
3	QTĐT	605	Đầu tư quốc tế: nguyên lý và ứng dụng chính sách (<i>International Investment: Principles and Policy Application</i>)	4	3	1
II.1b			Các học phần tự chọn (chọn 3 trong số 5 học phần)	9	6	3
1	QTKH	606	Phương pháp nghiên cứu khoa học (<i>Research Methodology</i>)	3	2	1
2	QTKL	607	Kinh tế lượng trong phân tích và dự báo Kinh tế - Xã hội (<i>Applied Econometrics</i>)	3	2	1
3	QTPL	608	Pháp luật kinh tế quốc tế nâng cao (<i>Advanced International</i>	3	2	1

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
			<i>Economic Law)</i>			
4	QTPC	609	Phân tích và đánh giá chính sách <i>(Policy Evaluation and Analysis)</i>	3	2	1
5	QTLĐ	610	Tư chất lãnh đạo và nguyên tắc xử thế <i>(Leadership and Ethics)</i>	3	2	1
II.2			Học phần chuyên ngành	21	14	7
II.2.a			Học phần bắt buộc	12	8	4
1	QTCT	611	Chính sách thương mại quốc tế <i>(International Trade Policy)</i>	4	3	1
2	QTRT	612	Quản trị rủi ro tài chính quốc gia <i>(Sovereign Financial Risk Management)</i>	4	3	1
3	QTĐC	613	Định chế kinh tế quốc tế <i>(International Economic Institutions)</i>	2	1	1
4	QTTC	614	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế <i>(Globalization and</i>	2	1	1

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
			<i>Economic Development)</i>			
II.2. b			Học phần tự chọn (chọn 3 trong số 5 học phần)	9	6	3
1	QTTM	615	Thương mại hàng hóa và dịch vụ quốc tế <i>(International Trade in Goods and Services)</i>	3	2	1
2	QTNH	616	Ngân hàng Trung ương và thị trường tài chính quốc tế <i>(Central Banking and International Financial System)</i>	3	2	1
3	QTQT	617	Quản trị dự án đầu tư quốc tế <i>(International Investment Management)</i>	3	2	1
4	QTTĐ	618	Thẩm định dự án đầu tư công <i>(Public Investment Evaluation)</i>	3	2	1
5	QTĐP	619	Đàm phán và ký kết hợp đồng ngoại thương <i>(Foreign Trade Contract Negotiation)</i>	3	2	1
III			Luận văn Thạc sĩ	12	0	12

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
			<i>(Master Thesis)</i>			
			TỔNG CỘNG	60	33	27

*** Ghi chú:** Theo Quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ quy định:

“Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 tiết tự học..”.